

**DANH MỤC VẬT TƯ THIẾT BỊ TỒN KHO THU HỒI KÉM PHẨM CHẤT,
Ứ ĐỘNG KHÔNG CÓ NHU CẦU SỬ DỤNG BÁN ĐẦU GIÁ
THANH LÝ ĐỢT 1 NĂM 2025**

(Kèm theo Hợp đồng số 87-2025/HĐ-ĐG ngày 14/6/2025)

TT	Mã VTTB	Tên, quy cách	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH
	VẬT TƯ THIẾT BỊ Ứ ĐỘNG, KÉM MẤT PHẨM CHẤT				
	Kho: R14 - HKI-R14-Kho thu hồi thanh lý (CL≤50%)				
1	1.61.46.002.000.00.D00	Sắt các loại	Kg	110	
2	2.55.05.001.000.00.D00	Đồng các loại	Kg	8.8	
3	2.71.01.001.000.00.D00	Nhôm các loại	Kg	147.5	
4	2.76.01.002.VIE.00.D00	Chỉ niêm phong công tơ dùng dây xâu chì ĐK 0,25mm	Viên	7,345	
5	2.76.81.025.VIE.00.D00	Dây xâu chì niêm phong ĐK 0,25mm	Sợi	7,345	
6	3.06.40.002.000.00.D00	Xà, sắt các loại	Kg	1,003.65	
7	3.10.55.122.VIE.00.D00	Cách điện đứng-22kV-Sứ gốm-Ty	Bộ	3	
8	3.10.78.325.VIE.00.D00	Sứ đỡ cách điện gốm hàm động cho cầu dao phụ tải-22kV	Cái	18	
9	3.10.78.434.VIE.00.D00	Sứ đỡ cách điện gốm hàm tĩnh cho cầu dao phụ tải-22kV	Cái	18	
10	3.15.03.101.VIE.00.D00	Cáp hạ áp-Cu-2x1,5mm ² -Không giáp kim loại-Cách điện PVC	Mét	114	
11	3.15.42.101.VIE.00.D00	Cáp hạ áp-Cu-1x10mm ² -Không giáp kim loại-Cách điện XLPE	Mét	159	
12	3.15.44.060.VIE.00.D00	Cáp hạ áp-Cu-2x6mm ² -Không giáp kim loại-Cách điện XLPE	Mét	12	
13	3.15.44.100.VIE.00.D00	Cáp hạ áp-Cu-2x10mm ² -Không giáp kim loại-Cách điện XLPE	Mét	38	
14	3.15.44.125.VIE.00.D00	Cáp hạ áp-Cu-2x25mm ² -Không giáp kim loại-Cách điện XLPE	Mét	37	
15	3.15.44.202.VIE.00.D00	Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/PVC/PVC-2x2,5mm ²	Mét	500	
16	3.15.50.101.VIE.00.D00	Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x10mm ²	Mét	63.5	
17	3.15.50.251.VIE.00.D00	Cáp hạ áp-Cu-4x25mm ² -Không giáp kim loại-Cách điện XLPE	Mét	5.2	
18	3.15.50.351.VIE.00.D00	Cáp hạ áp-Cu-4x35mm ² -không giáp kim loại, cách điện XLPE	Mét	7.2	
19	3.15.62.050.VIE.00.D00	Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-2x25mm ²	Mét	454	
20	3.15.68.251.VIE.00.D00	Cáp vặn xoắn hạ áp-4x25mm ²	Mét	257	
21	3.15.68.502.VIE.00.D00	Cáp vặn xoắn hạ áp-4x50mm ²	Mét	137	
22	3.15.68.952.VIE.00.D00	Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-4x95mm ²	Mét	22	
23	3.15.69.122.VIE.00.D00	Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-4x120mm ²	Mét	702	
24	3.15.82.524.VIE.00.D00	Dây đồng bọc cách điện 22kV-1x50mm ² -Cách điện XLPE-Uo/U: 12,7/22kV	Mét	12	
25	3.15.82.540.000.00.D00	Dây đồng bọc cách điện 22kV-1x240mm ² -Cách điện XLPE-Uo/U: 12,7/22kV	Mét	3.6	

26	3.15.82.540.VIE.00.D00	Dây đồng bọc cách điện 22kV-1x240mm ² -Cách điện XLPE-Uo/U: 12,7/22kV	Mét	5.1	
27	3.20.70.511.VIE.00.D00	Hộp 1 công tơ 1 pha-Composit	Cái	40	
28	3.20.70.516.VIE.00.D00	Hộp 1 công tơ 3 pha-Gián tiếp-Composit	Cái	2	
29	3.20.70.521.VIE.00.D00	Hộp 2 công tơ 1 pha-Composit	Cái	6	
30	3.20.70.546.000.00.D00	Hộp 4 công tơ 1 pha-Composit	Cái	4	
31	3.20.70.546.VIE.00.D00	Hộp 4 công tơ 1 pha-Composit	Cái	30	
32	3.20.70.549.VIE.00.D00	Hộp 1 công tơ 3 pha-Trực tiếp-Composit	Cái	8	
33	3.20.94.018.VIE.00.D00	Hộp phân dây Composit	Cái	9	
34	3.25.14.129.VIE.00.D00	Cáp hạ áp-Cu-4x120mm ² -Giáp kim loại dải băng kép-Cách điện XLPE	Mét	13	
35	3.25.14.187.VIE.00.D00	Cáp hạ áp-Cu-4x150mm ² -Giáp kim loại dải băng kép-Cách điện XLPE	Mét	22.5	
36	3.25.25.095.000.00.D00	Cáp hạ áp-AL-4x95mm ² -Giáp kim loại dải băng kép-Cách điện XLPE	Mét	42	
37	3.25.33.095.VIE.00.D00	Cáp ngầm 22kV-Cu-1x50mm ² -Chống thấm nước-Màn chắn sợi đồng-Giáp kim loại dải băng kép-Cách điện XLPE	Mét	10.5	
38	3.25.33.096.VIE.00.D00	Cáp ngầm 12,7/22(24)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-1x50mm ² -CTSr-WS	Mét	10	
39	3.25.33.326.VIE.00.D00	Cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm ² -Chống thấm nước-Màn chắn băng đồng-Giáp kim loại dải băng kép-Cách điện XLPE	Mét	6	
40	3.25.44.206.000.00.D00	Hộp đầu cáp 22kV Cu/1x50mm ² -Ngoài trời-Co ngót lạnh kiểu co rút-Kèm đầu cốt đồng	Bộ	81	
41	3.25.44.243.000.00.D00	Hộp đầu cáp 22kV Cu/3x240mm ² -Ngoài trời-Co ngót lạnh kiểu co-rút-Kèm đầu cốt đồng	Bộ	1	
42	3.25.92.240.000.00.D00	Hộp đầu cáp T-plug-22kV-Cu/3x240mm ²	Bộ	1	
43	3.30.22.772.000.00.D00	FCO 22kV-200A-12kArms-Cách điện sứ gốm	Bộ/1Pha	6	
44	3.42.58.124.VIE.00.D00	Bộ tiếp điểm chính phụ cầu dao phụ tải 24kV	Bộ/1Pha	18	
45	3.46.04.032.000.00.D00	MCB 1 cực 32A-230/400VAC-6kArms-Kiểu gài/Vặn vít	Cái	16	
46	3.46.04.041.CHN.00.D00	MCB 1 cực 40A-230/400VAC-6kArms-Kiểu gài	Cái	56	
47	3.46.04.616.VIE.00.D00	MCB 1 cực 16A-230/400VAC-6kArms-Kiểu gài/Vặn vít	Cái	3	
48	3.46.04.640.000.00.D00	MCB 1 cực 40A-230/400VAC-6kArms-Kiểu gài/Vặn vít	Cái	16	
49	3.46.04.640.VIE.00.D00	MCB 1 cực 40A-230/400VAC-6kArms-Kiểu gài/Vặn vít	Cái	39	
50	3.46.04.663.IND.00.D00	MCB 1 cực 63A-230/400VAC-6kArms-Kiểu gài/Vặn vít	Cái	16	
51	3.46.15.044.VIE.00.D00	MCB 3 cực 40A-230/400VAC-6kArms-Kiểu gài/Vặn vít	Cái	1	
52	3.46.15.063.VIE.00.D00	MCB 3 cực 63A-230/400VAC-6kArms-Kiểu gài/Vặn vít	Cái	10	
53	3.46.15.104.VIE.00.D00	MCB 3 cực 100A-230/400VAC-6kArms-Kiểu gài/Vặn vít	Cái	6	
54	3.46.15.175.KOR.00.D00	MCCB 3 cực 175A-690VAC/800V-25kArms-CO bằng tay	Cái	1	
55	3.46.15.254.FRA.00.D00	MCCB 3 cực 250A-690VAC/800V-36kArms-CO bằng tay	Cái	1	

56	3.46.15.404.CHN.00.D00	MCCB 3 cực 400A-690VAC/800V-50kArms-CO bằng tay	Cái	1	
57	3.46.15.404.FRA.00.D00	MCCB 3 cực 400A-690VAC/800V-50kArms-CO bằng tay	Cái	1	
58	3.46.15.404.ITA.00.D00	MCCB 3 cực 400A-690VAC/800V-50kArms-CO bằng tay	Cái	1	
59	3.46.16.104.ITA.00.D00	MCCB 3 cực 1000A-690VAC/800V-65kArms-CO bằng tay	Cái	1	
60	3.46.16.164.FRA.00.D00	MCCB 3 cực 1600A-690VAC/800V-65kArms-CO bằng tay	Cái	2	
61	3.53.06.015.VIE.00.D00	Biến dòng điện-0,4kV-150/5A-10VA	Quả	5	
62	3.53.06.020.VIE.00.D00	Biến dòng điện-0,4kV-200/5A-10VA	Quả	4	
63	3.53.06.050.VIE.00.D00	Biến dòng điện-0,4kV-500/5A-15VA	Quả	1	
64	3.53.06.080.VIE.00.D00	Biến dòng điện-0,4kV-800/5A-15VA	Quả	3	
65	3.53.06.301.VIE.00.D00	Biến dòng điện-0,4kV-3000/5A-15VA	Quả	3	
66	3.66.75.015.000.00.D00	Bộ đèn báo pha tủ RMU	Bộ	63	
Kho: T11 - HKI_T11_Kho vật tư thu hồi từ công trình ĐTXD không sử dụng được chờ thanh lý					
1	1.61.46.002.000.00.D00	Sắt các loại - T11-0001	Kg	20.00	
2	1.61.46.002.000.00.D00	Sắt các loại - T11-0002	Kg	15.00	
3	3.15.50.950.VIE.00.D00	Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x95mm ² - T11-0001	Mét	4.00	
4	3.25.33.095.VIE.00.D00	Cáp ngầm 22kV-Cu-1x50mm ² -Chống thấm nước-Màn chắn sợi đồng-Giáp kim loại dải băng kép-Cách điện XLPE - T11-0001	Mét	18.00	
5	3.25.33.326.VIE.00.D00	Cáp ngầm 22kV-Cu-3x240mm ² -Chống thấm nước-Màn chắn băng đồng-Giáp kim loại dải băng kép-Cách điện XLPE - T11-0010	Mét	4.00	